

Bản án số: 78/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 21/8/2023.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Lương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Tám;

2. Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 21/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2023/TLST – HNGĐ ngày 25/4/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXX - ST ngày 14/7/2023; **Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2023/QĐST - HPT ngày 02/8/2023 giữa các đương sự:**

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị L - Sinh năm 1987."có mặt".

Địa chỉ: Bản N C, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Anh Cà Văn T - Sinh năm 1984."vắng mặt".

Địa chỉ: Bản N H, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 24/4/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Lò Thị L (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh **Toản** lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sam Mứn, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên từ ngày 15/8/2005. Trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Toàn nghiện ma túy, hai người tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau, gia đình không hạnh phúc và chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Hiện nay không còn tình cảm vợ chồng và không còn quan tâm đến nhau. Chúng tôi đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh **Toản**.

2. Về con chung: Chị Liên khai vợ chồng có 01 con chung là cháu Lò Thị Hồng Thúy, sinh ngày 10/7/2006.

Chị Liên có nguyện vọng được nuôi con chung và **không** yêu cầu anh Toàn phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu Thúy có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

Tại bản tự khai ngày 03/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án anh Cà Văn T (bị đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân*: Tôi và cô Liên lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sam Mứn, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên ngày 15/8/2005; Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tôi nghiện ma túy, thường xuyên xảy ra cãi nhau và chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, nay cô Liên làm đơn xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn.

2. *Về con chung*: Anh Toàn công nhận vợ chồng có 01 con chung. Tôi đồng ý để cô Liên nuôi con chung theo nguyện vọng của cô Liên.

3. *Về tài sản*: - Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương, tài sản chung: Không có.

Tại Biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND xã P L đã xác định: Sau khi đăng ký kết hôn, đến tháng 10 năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Toàn nghiện ma túy, sau đó hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay, anh Toàn đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Bản N H, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên cho đến nay.

Hai vợ chồng có một con chung và ở cùng với mẹ từ khi hai vợ chồng sống ly thân. Chị Liên có nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Toàn phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản của vợ chồng thì không có gì.

- *Án phí*: Căn cứ Điều 147/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lò Thị L, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Liên xin ly hôn với anh Toàn, anh Toàn có hộ khẩu thường trú tại xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Liên và anh Toàn kết hôn năm 2005, đến năm 2023 thì chị Liên khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Liên và anh Toàn lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Toàn nghiện chất ma túy, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hai người không còn quan tâm đến nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hào giải nhưng không có kết quả và hai người đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Liên và anh Toàn đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Chị Liên xác định tình cảm của mình đối với anh Toàn không còn. Chị Liên xin ly hôn, anh Toàn cũng đồng ý ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa hai người là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị L và anh Cà Văn T.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Lò Thị Hồng Thúy, sinh ngày 10/7/2006.

Chị Liên có nguyện vọng được nuôi con chung và **không** yêu cầu anh Toàn phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai của cháu Thúy có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Tại bản tự khai của anh Toàn cũng đồng ý cho chị Liên nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay chị Liên có nguyện vọng là muốn được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy nguyện vọng của chị Liên là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Liên và giao con chung cho chị Liên trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Liên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Liên phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Liên đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005193 ngày 25/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Liên đã nộp đủ án phí DSST.

Đối với bị đơn Cà Văn T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, anh Toàn đã viết bản tự khai. Sau đó Tòa án Thông báo cho các đương sự đến Tòa án để cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu tại Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Những thủ tục thông báo này Tòa án đã gửi bảo đảm qua đường bưu điện theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn không có ý kiến gì và cũng không tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

1- Tuyên xử: Cho chị Lò Thị L được ly hôn với anh Cà Văn T.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Liên và giao con chung là cháu Lò Thị Hồng Thúy, sinh ngày 10/7/2006 cho chị Liên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Chấp nhận yêu cầu của chị Liên về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Liên phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Liên đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005193 ngày 25/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Liên đã nộp đủ án phí DSST.

5- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS;

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKS huyện Đ B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã **Sam Mứn**;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Vũ Văn Tám

Lường Văn Lương

Nguyễn Thị Phương